

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 40/2023/HC-GĐT

Ngày 27/6/2023

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hà;

Các Thẩm phán: - Ông Ngô Tiến Hùng;

- Ông Nguyễn Văn Tiến;

- Bà Đào Thị Minh Thủy;

- Ông Nguyễn Biên Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Ông Nguyễn Việt Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa các đương sự:

1. ***Người khởi kiện:*** Ông Phạm Bắc T, sinh năm 1962; cư trú tại 30/26 ấp Bình P, phường Bình C, thị xã Thuận A, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1971; cư trú tại 725/28 Trường C, phường Tây T, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 25/6/2018 của ông Phạm Bắc T).

2. ***Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đ (nay là thành phố Thủ Đ), Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: Số 168 Trương Văn B, phường Thạnh Mỹ L, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Văn D, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 5545/GUQ-UBND ngày 16/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Bắc T và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc nhà đất tại thửa đất số 10, Tờ bản đồ số 54, phường Linh T, quận Thủ Đức: Vào năm 1977, ông Sơn H tự khai hoang phần đất nêu trên để định canh định cư, khi đó ông Sơn H cất nhà lá, chuồng trại để nuôi heo sinh sống. Năm 1997, ông Sơn H tự sửa chữa căn nhà diện tích 22,35 m² thành nhà cấp 4 trong khuôn viên đất do ông Sơn H quản lý. Tháng 5/2004, ông Sơn H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn X sử dụng. Tháng 6/2004, ông X chuyển nhượng cho ông Lê Ngọc T1 sử dụng. Ngày 05/11/2004, ông T1 chuyển nhượng khu đất diện tích 285 m², bao gồm căn nhà đất cấp 4 diện tích 22,35 m² nêu trên cho ông T.

Năm 2013, ông T có sửa chữa căn nhà bằng việc thay mái tôn, nâng nền và gia cố vách xung quanh để chống dột do trời mưa bão, tạo sự an toàn cho gia đình đang cư trú tại đây. Do việc sửa chữa nhà của ông T không làm thay đổi kết cấu chịu lực của căn nhà nên ông T không xin giấy phép.

Ngày 23/5/2018, đại diện UBND phường Linh T, quận Thủ Đức đến nhà ông T lúc gia đình ông vắng nhà, dán niêm yết “biên bản vi phạm hành chính về hoạt động xây dựng” đối với nhà đất nêu trên của ông T.

Vì căn nhà tại thửa đất số 10, Tờ bản đồ số 54 nêu trên là do ông Lê Ngọc T1 xây dựng tháng 5/2004, hoàn thiện trước ngày 01/7/2004, đến năm 2013 ông T chỉ sửa lại để ở. Do đó, việc UBND phường Linh T lập biên bản vi phạm hành chính cho rằng ông T tổ chức thi công công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng, vi phạm Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ là không chính xác.

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính ngày 23/5/2018; ngày 12/6/2018, Phó Chủ tịch UBND quận Thủ Đức ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 3392/QĐ-KPHQ là không đúng quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính. Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 23/5/2018 nhưng niêm yết thì thời gian niêm yết phải là 30 ngày; thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 7 ngày, tính từ ngày hết thời hạn niêm yết. Do đó, thời gian hợp lệ để ban hành quyết định hành chính là ngày 01/7/2018.

Ngày 06/7/2018, Chủ tịch UBND quận Thủ Đức ban hành Quyết định số 3898/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, buộc ông T phải tháo dỡ toàn bộ căn nhà trên.

Ngày 25/6/2018, ngày 11/9/2019, ông T có đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 3392/QĐ-KPHQ ngày 12/6/2018 và Quyết định số 3898/QĐ-CCXP ngày 06/7/2018 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận Thủ Đức.

Ngày 03/4/2019, người đại diện của ông T có đơn trình bày về yêu cầu khởi kiện cho rằng diện tích 285 m² đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông T, các công trình trên đất do ông T xây dựng là công trình thô sơ không thay đổi kết cấu chịu lực nên theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 không phải cấp phép xây dựng cho những công trình này.

Người bị kiện, người đại diện của người bị kiện trình bày:

Tại vị trí khu đất thửa số 10, Tờ bản đồ số 54, khu phố 1, phường Linh T, quận Thủ Đức đã được UBND quận Thủ Đức lập hồ sơ xử lý công trình xây dựng vi phạm không xác định được chủ đầu tư, trước đây được UBND phường Linh T xử lý đối với việc vi phạm trong lĩnh vực xây dựng, cụ thể:

Ngày 06/5/2014, UBND phường Linh T phối hợp Đội Thanh tra địa bàn quận Thủ Đức lập Biên bản kiểm tra công trình xây dựng đối với ông Lê Ngọc T1 tại một phần thửa đất số 01, 9, 10, Tờ bản đồ số 54 do ông Lê Ngọc T1 có hành vi xây dựng công trình tường rào. Dài 50,6 m, cao 2m; kết cấu: Cột gạch, tường gạch không có giấy phép xây dựng. Chủ tịch UBND phường Linh T ban hành Quyết định đình chỉ thi công công trình vi phạm số 190/Đ-UBND ngày 07/5/2014. Ông Lê Ngọc T1 đã tháo dỡ toàn bộ công trình vi phạm, ngày 21/5/2014, UBND phường Linh T kiểm tra hiện trạng ghi nhận ông T1 đã tự tháo dỡ toàn bộ công trình vi phạm.

Đến tháng 01/2016, ông Hồ Văn T2 tiếp tục có hành vi xây dựng công trình không phép trên khuôn viên khu đất này, ngày 19/01/2016, UBND phường Linh T làm việc với ông Hồ Văn T2 về việc xây dựng nhà tạm không có giấy phép xây dựng trên vị trí đất ông T1 đã tháo dỡ năm 2014, có diện tích: 6,8 x 6,9m, kết cấu tường gạch, tôn, cột sắt, kèo sắt, mái tôn, nền xi măng; ông Hồ Văn T2 cam kết tự tháo dỡ công trình; ngày 25/01/2016, ông Hồ Văn T2 đã tháo dỡ toàn bộ công trình vi phạm.

Ngoài ra, tại vị trí khu đất trên, ông Lê Ngọc T1 có nộp hồ sơ cấp GCNQSDĐ, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 473/TNMT ngày

15/7/2013 có nội dung: Phần diện tích đất ông T1 sử dụng có nguồn gốc do lấn chiếm để xây dựng nhà ở thuộc khu vực chưa có quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch chi tiết được duyệt, nên Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Thủ Đức chưa có cơ sở xem xét cấp GCNQSD đất ở cho ông T1.

Ngày 23/5/2018, UBND phường Linh T, quận Thủ Đức lập Biên bản vi phạm hành chính về hoạt động xây dựng số 15/BB-VPHC đối với trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm, do có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng (công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng), cụ thể: “*Diện tích vi phạm xây dựng nhà 1: 42 m², kết cấu: Cột sắt, vách tôn, mái tôn; diện tích vi phạm xây dựng nhà 2: 22,35 m², kết cấu cột gạch, tường gạch, mái tôn; chiều dài hàng rào: 47,8m, kết cấu: Cột sắt, vách tôn. Thời điểm vi phạm xây dựng: Tháng 4 năm 2018*”, quy định tại điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ. Biên bản vi phạm hành chính được niêm yết công khai tại công trình vi phạm.

Ngày 12/6/2018, Phó Chủ tịch UBND quận Thủ Đức ban hành Quyết định số 3392/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính. Ngày 06/7/2018, Chủ tịch UBND quận Thủ Đức ban hành Quyết định số 3898/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 749/2019/HC-ST ngày 01/7/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Bắc T, yêu cầu hủy Quyết định số 3392/QĐ-KPHQ ngày 12/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 3898/QĐ-CCXP ngày 06/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/7/2019, ông Phạm Bắc T có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 472/2020/HC-PT ngày 31/8/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Bắc T. Hủy Quyết định số 3392/QĐ-KPHQ ngày 12/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về áp

dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 3898/QĐ-CCXP ngày 06/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định án phí.

Ngày 10/8/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 26/2023/KN-HC ngày 10/4/2023, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án hành chính phúc thẩm số 472/2020/HC-PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 472/2020/HC-PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 749/2019/HC-ST ngày 01/7/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông T và người đại diện hợp pháp của ông T cho rằng thửa đất số 10, Tờ bản đồ số 54, phường Linh T, quận Thủ Đức (số 13, đường Suối Nhum, Tổ 6, khu phố 1, phường Linh T) mà gia đình ông T đang sử dụng có nguồn gốc là do ông Sơn H khai hoang năm 1977, trên đất có cất nhà lá, chuồng trại để nuôi heo. Năm 1997, ông Sơn H sửa chữa căn nhà lá, diện tích 22,35 m² thành nhà cấp 4. Tháng 5/2004, ông Sơn H chuyển nhượng một phần đất và căn nhà nêu trên cho ông Nguyễn Văn X sử dụng. Ngày 11/6/2004, ông X chuyển nhượng diện tích 298,5 m² đất (giấy viết tay, không có xác nhận của cấp có thẩm quyền), bao gồm căn nhà (tường tôn, mái tôn, nền xi măng) cho ông Lê Ngọc T1 sử dụng. Ngày 05/11/2004, ông T1 chuyển nhượng khu đất có diện tích 285 m² bao gồm căn nhà cấp 4 nêu trên (giấy viết tay, không có xác nhận của cấp có thẩm quyền) cho ông T sử dụng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của ông T xác định năm 2013 ông T nhờ ông T1 đứng tên xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) đối với diện tích đất ông T đang sử dụng. Tại Công văn số 473/TNMT ngày 15/7/2013 (gửi ông T1), Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Thủ Đức xác định phần đất có diện tích 91 m² thuộc khu đất có diện tích 298,5 m² mà

ông T1 đang sử dụng thuộc một phần thửa số 1, 9, 10, Tờ bản đồ số 54, phường Linh T có nguồn gốc do lấn chiếm để xây dựng nhà ở thuộc khu vực chưa có quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch chi tiết được duyệt nên chưa có cơ sở xem xét cấp GCNQSDĐ ở cho ông T1.

[3] Theo thông tin quy hoạch sử dụng đất chi tiết do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) quận Thủ Đức cung cấp ngày 26/3/2019 thì thửa đất số 10, Tờ bản đồ số 54, phường Linh T có diện tích khoảng 874,9 m², có 282.31 m² dùng làm đất hạ tầng kỹ thuật, 592,44 m² dùng làm đất cây xanh cách ly thuộc quy hoạch phân khu Đồ án “Khu dân cư phía bắc đường Linh T” đã được UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo Quyết định số 4663/QĐ-UBND ngày 28/8/2013.

Diện tích đất nêu trên trước năm 1975 là của Dòng Chúa cứu thế thuộc Thiên chúa giáo sử dụng làm trại chăn nuôi heo; năm 1978, Nhà nước trưng thu và giao cho Công ty chăn nuôi heo huyện Thủ Đức; năm 1994, giao cho huyện Thủ Đức quản lý, sử dụng và năm 2001, giao cho Công ty Công trình giao thông đô thị và quản lý nhà Thủ Đức. Hồ sơ địa chính thể hiện: Theo Tài liệu đăng ký quyền sử dụng đất theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ, diện tích đất nêu trên thuộc một phần thửa số 28, Tờ bản đồ số 2, xã Tăng Nhơn P do UBND xã Tăng Nhơn P đăng ký; theo Tài liệu đăng ký quyền sử dụng đất theo Chỉ thị số 02/CT của UBND Thành phố Hồ Chí Minh thì thuộc thửa đất số 197 và rạch, Tờ bản đồ số 15, xã Tân P không tổ chức đăng ký; theo Tài liệu bản đồ năm 2004 ghi nhận tên chủ sử dụng trên sổ dã ngoại tại thời điểm đo đạc, lập bản đồ địa chính thì thửa đất số 10, tờ bản đồ số 54 do bà Sơn Thị Hồng H1 đứng tên.

Như vậy, nguồn gốc diện tích đất gia đình ông T đang sử dụng là đất công do Nhà nước quản lý, bị lấn chiếm sử dụng làm nhà ở và không được quy hoạch là khu dân cư theo Quyết định số 4663/QĐ-UBND ngày 28/8/2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị. Ông T không có quyền quản lý, sử dụng hợp pháp đối với diện tích 285 m² đất nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất mà ông T xây dựng công trình không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T là có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng diện tích đất gia đình ông T đang sử dụng có nguồn gốc là do ông Sơn H khai hoang, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T là không đúng.

[4] Khi ông T nhận chuyển nhượng của ông T1, kết cấu của căn nhà cấp 4 chỉ là tường tôn, mái tôn, nền xi măng nhưng theo Biên bản vi phạm hành chính về hoạt động xây dựng số 15/BB-VPHC ngày 23/5/2018 của UBND phường Linh T thì diện tích vi phạm xây dựng: nhà 1 diện tích 42 m², có kết cấu cột sắt, vách tôn, mái tôn; nhà 2 diện tích 22,35 m² có kết cấu là cột gạch, tường gạch, mái tôn; chiều dài

hàng rào 47,8 m, kết cấu cột sắt, vách tôn; thời điểm vi phạm tháng 4/2018. Như vậy, căn nhà cấp 4 đã thay đổi kết cấu chịu lực của căn nhà và không thuộc trường hợp không phải xin phép xây dựng theo quy định tại điểm đ Điều 62 Luật xây dựng năm 2003 “*Các công trình sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong không làm thay đổi kiến trúc, kết cấu chịu lực và an toàn của công trình*” nên khi ông T cải tạo, sửa chữa căn nhà cấp 4 thì phải xin phép xây dựng nhưng không xin phép là không đúng quy định của pháp luật.

[5] Căn cứ vào Bản đồ hiện trạng công trình vi phạm năm 2014 đối với ông T1, đối chiếu với Bản đồ hiện trạng khu đất lập ngày 10/4/2013 khi ông T1 có đơn đề nghị xin cấp GCNQSDĐ thì có cơ sở để xác định tại vị trí khu đất ông T1, ông Hồ Văn T3 (ông T3 là chồng bà Nguyễn Thị Hồng H2, bà H2 nhận chuyển nhượng đất của ông T1 theo Hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 27/4/2015, kèm sơ đồ vị trí đất trong hợp đồng) bị xử phạt trước đây chính là vị trí khu đất mà ông T đang sử dụng. Trên khu đất này, toàn bộ công trình tường rào, nhà tạm xây dựng trái phép của ông T1, ông T3 (nhà tạm có kết cấu tường gạch, tôn, cột sắt, kèo sắt, mái tôn, nền xi măng; tường rào có kết cấu tường gạch, cột gạch) đã được tháo dỡ theo Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 21/5/2014, Biên bản làm việc ngày 19/01/2016 của UBND phường Linh T (ông T3 cam kết tháo dỡ, có ông T1 chứng kiến) và các bản ảnh do UBND quận Thủ Đức cung cấp.

Tại các lời khai của ông T, người đại diện của ông T, Sổ tạm trú, hóa đơn tiền điện 2017 (đứng tên ông T1) do ông T cung cấp, Phiếu ghi nhận đóng góp của ông T năm 2018 của UBND phường Linh T và các hợp đồng chuyển nhượng đất thì có cơ sở để xác định căn nhà cấp 4 diện tích 22,35 m² có từ trước khi ông T nhận chuyển nhượng đất của ông T1 năm 2004, năm 2013 ông T chỉ sửa chữa, cải tạo và ở trên đất từ đó đến nay. Đối với công trình là chuồng heo, diện tích 42 m², có kết cấu cột sắt, vách tôn, mái tôn; tường rào thì ông T thừa nhận do ông T xây dựng. UBND quận Thủ Đức cho rằng tại vị trí khu đất trên sau năm 2014 và năm 2016 là đất trống là không đúng. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng toàn bộ công trình trên đất bao gồm 42 m² chuồng heo, 22,34 m² nhà cấp 4, hàng rào xung quanh bằng cột sắt, vách tôn là do ông T xây dựng từ năm 2004-2005 là không đúng.

[6] Tại khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 quy định 10 công trình xây dựng được miễn giấy phép xây dựng, nhưng công trình xây dựng của ông T không thuộc trường hợp được miễn giấy phép xây dựng. Do không xác định được đối tượng xử phạt nên căn cứ quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Chủ tịch UBND quận Thủ Đức không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà áp dụng khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 để ban hành Quyết định số 3392/QĐ-KPHQ ngày 12/6/2018

về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông T là đúng pháp luật. Do ông T không chấp hành nên Chủ tịch UBND quận Thủ Đức ban hành Quyết định số 3898/QĐ-CCXP ngày 06/7/2018 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông T là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy Quyết định số 3392/QĐ-KPHQ ngày 12/6/2018 và Quyết định số 3898/QĐ-CCXP ngày 06/7/2018 nêu trên là đúng pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T để hủy Quyết định số 3392/QĐ-KPHQ ngày 12/6/2018 và Quyết định số 3898/QĐ-CCXP ngày 06/7/2018 nêu trên là không có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266, khoản 2 Điều 272 và Điều 273 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 26/2023/KN-HC ngày 10/4/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 472/2020/HC-PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 472/2020/HC-PT ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 749/2019/HC-ST ngày 01/7/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND CC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Vụ GDKTIII (3b), VP (TANDTC)
- Vụ PC và QLKH (TANDTC), Hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Hà